

## **VĂN KIẾN MỚI QUO VADIS, HUMANITAS? CỦA ỦY BAN THẦN HỌC QUỐC TẾ, tiếp theo**

*Suy nghĩ về Nhân học Kitô giáo trước một số kịch bản về Tương lai của Nhân loại*

### **CHƯƠNG III: QUÀ PHÚC SỰ SỐNG VÀ HIỆP THÔNG TRƯỚC NHỮNG KỊCH BẢN VỀ TƯƠNG LAI CỦA NHÂN LOẠI**

106. Việc tái khám phá cuộc sống như một ơn gọi có nghĩa là đáp lại một quà phúc kêu gọi chúng ta định hình bản sắc của chính mình, đảm nhận nhiệm vụ trở thành chính mình và biến đổi xã hội và thế giới theo kế hoạch của Thiên Chúa. Đó không chỉ đơn thuần là việc lập kế hoạch, lên kế hoạch cho tương lai, tìm việc làm để kiếm sống và cải thiện thế giới. Vấn đề nghiêm trọng trong cuộc sống, được hiểu như một ơn gọi, là hiện thực hóa bản sắc bản thân của chúng ta như một quà phúc cho người khác.

107. Bây giờ chúng ta hãy tập trung vào phạm trù “bản sắc” nhân bản. Điều này đã được định nghĩa một cách cổ điển thông qua các phạm trù “bản thể/bản chất” và “ngôi vị”, để chỉ ra những gì vẫn giữ nguyên bản chất của chính nó theo thời gian và đảm bảo nền tảng của phẩm giá hữu thể học và luân lý của mỗi con người. [110] Trên cơ sở này, chúng ta sẽ được hướng dẫn cụ thể hơn bởi mối quan tâm đến việc đưa ra sự phân định về các hiện tượng đang diễn ra và tác động của chúng đến tương lai của nhân loại. Làm thế nào chúng ta có thể thành công trong việc nhận ra một “bản sắc con người đích thực” trong thời kỳ văn hóa và xã hội này? Tiêu chuẩn để nhận ra điều này là gì? Chúng tôi đặc biệt muốn nhấn mạnh đặc điểm kép của bản sắc con người, ở chỗ nó hàm ý một quà phúc và đồng thời là một nhiệm vụ, đòi hỏi phải kết hợp nhiều khía cạnh khác nhau, để tôn vinh vị trí độc đáo của con người trong vũ trụ.

#### **1. Bản sắc bản vị: một quà phúc và một nhiệm vụ**

108. Những thách thức phát sinh từ sự tiến bộ trong kỹ thuật sinh học, robot và trí tuệ nhân tạo, nhưng cũng từ trí tưởng tượng văn hóa rộng rãi, đặt ra câu hỏi về kinh nghiệm cơ bản mà con người có về bản thân mình một cách cụ thể, tức là kinh nghiệm mà họ định hình bản sắc của mình. [111] Tuy nhiên, câu trả lời cho những câu hỏi như: “Tôi là ai và chúng ta là ai? Tôi muốn trở thành ai và chúng ta muốn trở thành ai? Tôi muốn làm gì với bản thân mình và chúng ta muốn làm gì với tư cách là một gia đình nhân loại?” là yếu tố cấu thành nên trải nghiệm của mỗi người, người tự thấy mình đang tham gia vào việc tạo dựng bản sắc cho bản thân trong một lịch sử năng động, độc đáo và cụ thể, và trong một tập hợp các mối tương quan cấu thành mà người đó tương ứng với.

##### **1.1. Nhiệm vụ trở thành chính mình: quà phúc, tình yêu, tự do**

109. Ở nguồn gốc của hành trình này là một quà phúc khơi dậy trong trái tim khát vọng tìm kiếm hạnh phúc, tức là cuộc sống viên mãn. Quà phúc, được nhận ra và đón nhận, trở thành nhiệm vụ mà mỗi người khám phá ra rằng mình đã giao phó bản thân cho nó. Không một con người nào có thể hạnh phúc trừ khi họ biết mình là ai. Chúng ta không thể mong muốn bất cứ điều gì, thậm chí cả hạnh phúc, trừ khi chúng ta khám phá ra rằng chúng ta được phép mong

muốn bản thân mình một cách vô điều kiện nhờ vào một sự nhận thức nhất định: "Phẩm giá của chúng ta được ban tặng; nó không phải là thứ được đòi hỏi hay xứng đáng có được. Mỗi con người đều được Chúa yêu thương và mong muốn vì chính bản thân họ và do đó phẩm giá của họ là bất khả xâm phạm." [112] Do đó, con người, khi tìm cách định hình bản sắc của mình, phải nhận thức được "phẩm giá cao quý [...] vượt trên mọi sự, và quyền lợi cũng như nghĩa vụ của họ là phổ quát và bất khả xâm phạm". [113] Phẩm giá này được xây dựng trên cơ sở tạo dựng theo hình ảnh và họa ảnh Thiên Chúa, Đấng cuối cùng cũng mang hình ảnh Chúa Con, Đấng trong sự nhập thể của Người đã chia sẻ bản chất của chúng ta và nâng nó lên tới việc hiệp nhất với đời sống thần linh, và trong sự phục sinh của Người đã đưa bản chất của chúng ta vào một số phận của sự sống vĩnh cửu trong sự hiệp thông với Ba Ngôi. [114]

110. Bầu không khí thích hợp nhất để phát triển bản sắc của một người là bầu không khí của tình yêu, bắt đầu từ gia đình, là nguồn gốc của sự hiện hữu của chúng ta. Thật vậy, nhiều hình thức nghèo khó, thậm chí cả nghèo khó về vật chất, đều xuất phát từ "sự cô lập, từ việc không được yêu thương hoặc từ khó khăn trong việc yêu thương" [115]. Theo động lực của sự hỗ trợ bất đối xứng giữa quà phúc và phản hồi định hình nên bản sắc của chúng ta, việc làm chủ cuộc sống của chính mình có nghĩa là nhận ra rằng mình đã được trao cho chính bản thân (sự tự chủ) một quà phúc không cần phải cầu xin, một quà phúc cần được nhận biết, chấp nhận và mong muốn như một điều tốt đẹp tự thân (sự đồng thuận). Sự nhận biết quà phúc nói trên không chỉ là vấn đề lý tính thuần túy. Nó hàm chứa một động lực cảm xúc: chúng ta yêu bản thân vì chúng ta được mong muốn và được yêu thương, và chúng ta cảm thấy được mong muốn và được yêu thương. Quá trình này có thể xảy ra khi chúng ta thấy mình được đặt trong mối tương quan với một thực tại hữu hình và đầy hứa hẹn, tràn ngập những ý nghĩa tích cực để khám phá trong sự kỳ diệu. Đây chính là sự nhận biết, cần thiết như việc nó thường được tìm kiếm bằng những cách khác trong không gian thông tin. Thế giới không phải là một tập hợp những thứ để khai thác và những vật thể để thao túng, mà là một nơi cư ngụ để sống, nơi người ta có thể tìm thấy vị trí của mình. [116] Không phải hiếm khi, ngay cả việc từ chối tình yêu của Chúa, do nhiều yếu tố (tâm lý, tương quan, văn hóa) gây khó khăn trong việc nhận thức quà phúc ban đầu, cũng làm tổn hại đến quá trình nhận diện cá nhân. Tình yêu được đón nhận và chào đón là động lực thúc đẩy bất cứ quá trình tự chấp nhận và phát triển nào, và tìm thấy nguồn gốc của nó trong chính Chúa, tình yêu vĩnh cửu. [117]

111. Sự hiện thực hóa bản sắc này, trong tính nhất quán hữu thể học của nó, được giao phó cho tự do: "Mặc dù mỗi con người sở hữu một phẩm giá bất khả xâm phạm và nội tại ngay từ khi bắt đầu hiện hữu như một quà phúc không thể thu hồi, nhưng việc thể hiện và bộc lộ phẩm giá đó một cách đầy đủ hay che giấu nó lại phụ thuộc vào quyết định tự do và có trách nhiệm của người đó. [...] Hình ảnh của Chúa được giao phó cho sự tự do của con người." [118] Một người từ bỏ việc tìm kiếm chân lý và điều thiện có thể nghĩ rằng mình không có bản sắc nào để bảo vệ và xây dựng thông qua những lựa chọn thực sự tự do và có ý thức. Nếu sau đó chúng ta xem xét tất cả các chiều kích cá nhân và xã hội của con người trong bối cảnh lịch sử, thì "việc thực hiện đúng đắn tự do cá nhân đòi hỏi các điều kiện kinh tế, xã hội, pháp lý, chính trị và văn hóa chính xác. [...] Tự do thực sự và lịch sử luôn cần được 'giải phóng'." [119] Về vấn đề này, giáo huấn của Thánh Phao-lô thách thức chúng ta: "Chúa Kitô đã giải

phóng chúng ta để được tự do! Vậy hãy đứng vững, và đừng để mình bị ách nô lệ khuất phục nữa [...] Vì, hồi anh em, anh em đã được kêu gọi tới tự do" (Gl 5:1.13).

## **1.2. Sự phức tạp của bản sắc**

112. Tuy nhiên, đây không phải là một quá trình đơn giản. Bản sắc rất phức tạp, được tạo thành từ nhiều khía cạnh khác nhau. Con người nhận thức được rằng bản sắc của họ, một mặt là cá nhân và không thể chuyển nhượng, mặt khác lại mang tính tương quan, được định hình bởi cộng đồng mà họ thuộc về và bởi hoàn cảnh sống. [120] Do đó, bản sắc luôn là điều được tiếp nhận và đồng thời là điều được hiện thực hóa và phát triển bởi mỗi cá nhân. Không một con người nào sinh ra đã được định nghĩa và hoàn hảo: chúng ta phải học cách nhận biết mình là ai và mình là gì, cả khi còn nhỏ và khi trưởng thành. Chúng ta học cách chấp nhận quả phúc của chính mình, trên hết là bằng cách đảm nhận nhiệm vụ hình thành bản sắc của mình, điều được hàm ý bởi quả phúc này, và khám phá lại nó ở mỗi giai đoạn mới của cuộc đời.

113. Quá trình lên bản sắc diễn ra ở nhiều bình diện, cả tự nhiên lẫn văn hóa. Do đó, xã hội càng phức tạp về giai cấp, nghề nghiệp, sở thích chung hoặc tôn giáo, thì việc hình thành bản sắc từ sự chồng chéo của các nguồn lên bản sắc khác nhau càng phức tạp. Xuyên suốt lịch sử, con người đã phát triển và nâng cao bản sắc của mình bằng cách thiết lập các mối tương quan mới, đặc biệt là bằng cách kết hôn (xem Sáng thế 2:24), lập gia đình mới, di cư từ quê hương đến những nơi khác, học ngôn ngữ và cách diễn đạt mới, hoặc tiếp nhận phong tục và lối sống mới. Bản chất của chúng ta, chính vì chúng ta là con người, cho phép chúng ta phát triển nhiều cách suy nghĩ, cảm nhận, sống và lên bản sắc khác nhau. Nhưng điều này cũng hàm chứa khả thể sai lầm, do đó khả năng tự tạo cho mình một bản sắc hoặc tái tạo bản sắc của chúng ta không phải là bất khả xâm phạm; thực tế, nó vẫn tiềm ẩn nguy cơ bị nhầm lẫn trong việc lên bản sắc thực tại của chính mình.

114. Các yếu tố khác nhau cấu thành nên bản sắc phải được xem xét trong sự thống nhất của chúng. Việc tìm kiếm bản sắc luôn đi kèm với nhu cầu về sự thống nhất, toàn vẹn và một sự tổng hợp hài hòa các yếu tố, tránh sự phân tán và rời rạc. Theo nghĩa này, việc tìm kiếm bản sắc diễn ra trong "trái tim", tức là ở trung tâm của con người có thể kết nối các mảnh vỡ. Từ "trái tim" không thể được giải thích đầy đủ bằng sinh học, tâm lý học, nhân chủng học hay các ngành khoa học khác. Đó là một trong những từ nguyên thủy chỉ ra thực tại thuộc về toàn bộ con người, cả về thể xác lẫn tinh thần. Bởi vì nó dẫn chúng ta đến trung tâm sâu thẳm nhất của con người, trái tim cho phép chúng ta nhận ra bản thân mình một cách toàn diện chứ không chỉ ở một khía cạnh riêng lẻ nào đó. Do đó, nó cũng có khả năng thống nhất và hài hòa lịch sử cá nhân của một người, vốn có vẻ như bị chia thành hàng ngàn mảnh, nhưng trong đó mọi thứ đều có ý nghĩa. Mọi tương quan đúng đắn với thế giới được tìm thấy trong trái tim, và vì lý do này người ta nói rằng khi chúng ta nắm bắt được thực tại bằng trái tim, chúng ta có thể hiểu nó tốt hơn và đầy đủ hơn. Cuối cùng, trái tim giúp xây dựng những mối liên kết chân thực, bởi vì một mối tương quan không được trải nghiệm bằng trái tim không thể vượt qua sự phân mảnh của chủ nghĩa cá nhân. Nếu các mối tương quan không liên quan đến trái tim, chúng ta sẽ rơi vào "sự mất đi ham muốn", bởi vì người khác biến mất khỏi chân trời và chúng ta tự khép kín mình trong cái tôi của chính mình với những nhu cầu của nó, mà không

có khả năng cho những mối tương quan lành mạnh. Do đó, chúng ta cũng trở nên không có khả năng đón nhận Thiên Chúa. [121]

115. Đối với chúng ta, những người Kitô hữu, trong số nhiều yếu tố cấu thành nên bản sắc con người, có một yếu tố nổi bật như một nguyên tắc mô thức thực sự, có khả năng sắp xếp các khía cạnh khác. Đó là ơn ban không chỉ là tạo vật hay tội lỗi của Chúa, mà còn được gọi là con cái của Chúa Cha, để ca ngợi vinh quang của Người và vì lợi ích của toàn thể tạo vật (xem *Rôma* 8:20-23). Điều này được chứng thực bởi Thánh Thần Thiên Chúa, Đấng kêu lên trong lòng chúng ta “Abba/Bố ơi” (xem *Gl* 4:6; *Rm* 8:15) và làm cho chúng ta trở nên giống Chúa Kitô, để chúng ta được tham dự vào bản sắc thần linh của Người với tư cách là Con của Chúa Cha (xem *2 Pr* 1:4). [122] Bản sắc con cái là sự xác định tối thượng và triệt để của bản sắc chúng ta, và bất cứ ai được Chúa Thánh Thần đánh dấu trong lòng đều tìm thấy trong bản sắc con cái này điểm tham chiếu cho mọi khía cạnh khác của bản sắc mình. [123] Bản sắc này, được trao cho sự tự do của chúng ta, xuất hiện như một hành động bao trùm tất cả, đi vào sâu thẳm trái tim, để con người đạt được nhận thức dứt khoát về tính độc nhất của chính mình khác biệt với tất cả những người khác. Nó cũng là một hành động tích hợp, có khả năng hài hòa các chiều kích khác nhau trong sự hiển dương bản thân. Việc đáp lại lời kêu gọi thần linh xuất hiện có tính độc nhất, không thể thay thế, mang tính bản vị và do đó mới mẻ mỗi lần. [124] Chúng ta hãy xem xét trong ánh sáng này một số chiều kích cấu thành của bản sắc.

## **2. Quà phúc sự sống và hiệp thông trong bối cảnh chủ nghĩa siêu nhân bản và chủ nghĩa hậu nhân bản**

116. Sự phức tạp của các quá trình hình thành bản sắc người ta tạo điều kiện cho những hiểu lầm lan tràn trong những giấc mơ và ảo tưởng của chủ nghĩa siêu nhân bản và chủ nghĩa hậu nhân bản. Thật vậy, hành trình hướng tới bản sắc của mỗi người không đạt được thông qua một cơ chế được đảm bảo hoặc như một sự tiến hóa tự nhiên. Mỗi người khám phá ra rằng họ được kêu gọi để tự chịu trách nhiệm cho chính mình và cho hành động của mình, trong đó họ thể hiện họ là ai và họ muốn trở thành ai. Họ tự nhận ra bản thân trong một lịch sử độc nhất vô nhị và không thể suy diễn, không thể bị hòa tan vào một khối vô danh, không nguyên bản. Việc tìm kiếm và hình thành bản sắc của chính mình luôn mang lại điều gì đó mới mẻ, cả về điều kiện tự nhiên lẫn về văn hóa trong đó người ta đang sống. Bản sắc này không thể được thể hiện trong sự tự khẳng định tùy tiện, tuyệt đối, mà không có di sản về các điều kiện thích hợp hoặc tự nhiên để diễn giải; nhưng nó cũng không thể bị thu hẹp lại thành việc đáp ứng kỳ vọng của người khác, các hình thức văn hóa hoặc các vai trò xã hội đã được thiết lập từ trước. Vấn đề không phải là mặc một bộ đồng phục may sẵn, mà là may một bộ vest đặt riêng, thể hiện cá tính riêng và cái tên độc nhất mà Thiên Chúa biết và đã giao phó cho chúng ta, bởi vì mỗi người trong chúng ta là một cá thể độc đáo và không thể lặp lại, được kêu gọi thể hiện một đóng góp độc đáo. [125]

### **2.1. Hình thành bản sắc của một người bắt đầu từ cơ thể được hiến tặng**

117. Ban đầu là mối tương quan với chính cơ thể của mình: cần phải nhận ra rằng "cơ thể con người chia sẻ phẩm giá của 'hình ảnh Thiên Chúa' [...] Thực tế, chính trong cơ thể mà mỗi người nhận ra rằng mình đã được sinh ra bởi người khác". [126] Chúng ta hiểu sự khẩn cấp của lời cảnh báo về việc tôn trọng trật tự của kinh nghiệm cơ bản của con người: "Chúng ta

được kêu gọi bảo vệ nhân tính của mình, và điều này có nghĩa là trên hết là chấp nhận và tôn trọng nó như nó đã được tạo ra". [127] Đây là một lựa chọn thực sự "sinh thái": "Học cách chấp nhận cơ thể của chính mình, chăm sóc nó và tôn trọng ý nghĩa của nó là điều cần thiết cho một hệ sinh thái nhân loại thực sự". [128] Đặc biệt, ngày nay, một trong những thách thức lớn nhất của văn hóa, ở bình diện bản sắc bản thân, là việc chấp nhận cơ thể tình dục của chính mình, được coi là một quà phúc chứ không phải là một nhà tù ngăn cản chúng ta trở thành chính mình một cách thực sự, hoặc là vật liệu sinh học để được sửa đổi. [129]

118. Trong bối cảnh này, suy tư thần học về khuyết tật cũng có thể mang một giá trị quan trọng trong việc bảo vệ phẩm giá vô hạn của mỗi người, bao gồm cả tình trạng đặc thù của họ. Tiếng nói của người khuyết tật là một thách thức triệt để đối với "văn hóa vứt bỏ" vang vọng trong một số lập luận duy siêu nhân bản hoặc duy hậu nhân bản. Chúng ta đang ở trên một nền tảng rất mong manh, nhưng lại có ý nghĩa quan trọng đối với câu hỏi về bản sắc sinh học-tự nhiên, điều này xứng đáng được xem xét sâu sắc hơn nhiều. Nói chung, cần phải nhớ lại tầm quan trọng quyết định của sự phụ thuộc và tính dễ bị tổn thương như những yếu tố không thể thiếu của mọi trải nghiệm của con người. [130] Mặc dù rõ ràng là khuyết tật bẩm sinh không phải do Chúa trực tiếp quyết định, nhưng khuyết tật cần được khám phá – với tất cả những đặc điểm riêng biệt của nó – như một biểu hiện của những chiều kích hữu hạn và ngẫu nhiên, cần được nhìn nhận và trải nghiệm không chỉ là tiêu cực liên quan đến việc hình thành bản sắc. Thật vậy, tình trạng khuyết tật giữ cho bản sắc cá nhân được neo chặt vào thực tại thể xác-tinh thần đã được ban cho, đến mức xuất hiện như một yếu tố không thể tránh khỏi trong bản sắc của người khuyết tật. Trong bối cảnh toàn thể con người và lịch sử của họ, khuyết tật cũng có thể là một cơ hội cho sự tốt lành, khôn ngoan và vẻ đẹp. Chúng ta còn xa vời với những giấc mơ duy siêu nhân bản và duy hậu nhân bản về việc thoát khỏi nền tảng tự nhiên của hiện hữu, và đặc biệt là những hạn chế của chính cơ thể mình, để đạt được bản sắc của riêng mình.

## **2.2. Trở thành quà phúc cho người khác**

119. Bản sắc được khẳng định trong quà phúc của chính mình là trung tâm của các mối tương quan giữa các cá nhân, trong đó người ta tìm thấy sự viên mãn: "Con người, trong chừng mực có bản chất tâm linh, tìm thấy sự viên mãn trong các mối tương quan giữa người với người. Càng sống chân thực trong các mối tương quan đó, bản sắc cá nhân của họ càng trưởng thành. Con người không tìm thấy giá trị của bản thân bằng cách tự cô lập mình, mà bằng cách đặt mình vào mối tương quan với người khác và với Thiên Chúa". [131] Những mối tương quan này trở nên quan trọng đối với bản sắc nếu chúng không được sống một cách ích kỷ và khép kín, vì con người đến với chính mình thông qua người khác và trong mối tương quan với người khác.

120. Mầu nhiệm của con người bao gồm lời kêu gọi của họ đến sự hiệp thông xã hội. *Gaudium et Spes* khẳng định lại rằng "con người, là sinh vật duy nhất trên trái đất được Thiên Chúa muốn vì chính bản thân họ (*Deus propter seipsam voluerit*), không thể tìm thấy chính mình một cách trọn vẹn (*plene seipsum invenire non posse*) ngoại trừ thông qua một sự hiến dâng chân thành bản thân (*nisi per sincerum sui ipsius donum*)". [132] Huấn quyền Giáo hoàng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc con người tự nhận thức bản thân trong một động

lực siêu việt, một loại "trạng thái xuất thần" trong sự hiến dâng bản thân: "Một con người [...] không thể hoàn toàn nhận ra chân lý của chính mình ngoại trừ trong cuộc gặp gỡ với người khác [...]. Điều này giải thích tại sao không ai có thể trải nghiệm giá trị của cuộc sống mà không có những gương mặt cụ thể để yêu thương". [133] Không ai có thể đạt được sự trọn vẹn của mình trong sự cô lập, mà chỉ trong tình yêu được hiện thực hóa trong sự cởi mở, trong khả năng chào đón người khác, thiết lập những mối liên kết vững chắc. [134]

121. Bản sắc đích thực đòi hỏi một trải nghiệm thực sự về sự khác biệt. Về vấn đề này, cần phải xây dựng những mối liên kết vững chắc thông qua đối thoại xã hội, được hiểu là khả năng lắng nghe người khác như một người khác, tức là vì những lý do khiến họ không thể bị giản lược và khác biệt: "Điều này hàm ý khả năng thường xuyên nhận ra quyền được là chính mình và được khác biệt của người khác. Bắt đầu từ sự nhận thức này, điều đã trở thành văn hóa, người ta có thể tạo ra một giao ước xã hội. Nếu không có sự nhận thức này, sẽ xuất hiện những cách thức tinh vi khiến người khác mất hết ý nghĩa, trở nên không liên quan, bị coi là không có giá trị trong xã hội." [135] Chính trong bối cảnh của cuộc đối thoại này mà một bản sắc được tạo ra, không phải là độc quyền, mà là nhất quán và có khả năng nhận ra và đề xuất cho tất cả những trải nghiệm cơ bản của con người.

### **2.3. Sự siêu việt của quà phúc Thiên Chúa mở ra cho chúng ta một chân trời vô tận**

122. Tôn giáo, được hiểu là mối tương quan với thể thánh thiêng và trên hết với Mầu nhiệm Thiên Chúa, nhắc nhở chúng ta về sự siêu việt của quà phúc sự sống bằng cách giữ cho chân trời mầu nhiệm của nguồn gốc và kết thúc luôn mở rộng và bằng cách cho phép chúng ta vượt qua cám dỗ lập kế hoạch cho nhân loại theo tiêu chuẩn và tiêu chí của riêng chúng ta: "*Thiên Chúa là người bảo đảm cho sự phát triển thực sự của con người*, bởi vì, sau khi tạo ra con người theo hình ảnh của Người, Người cũng thiết lập phẩm giá siêu việt của con người và nuôi dưỡng khát vọng bẩm sinh của con người muốn 'trở nên hơn'. Con người không phải là một nguyên tử lạc lõng trong một vũ trụ ngẫu nhiên, mà là một tạo vật của Thiên Chúa, người mà Người đã muốn ban cho một linh hồn bất tử và người mà Người luôn yêu thương." [136] *Chỉ có Người mới có thể quyết định ai được sinh ra và ai chết đi.* Cái nhìn hướng về nguồn gốc này mở ra một chân trời vô tận về số phận của con người, được tạo ra theo hình ảnh và họa ảnh Thiên Chúa, được định sẵn để chia sẻ sự trọn vẹn của cuộc sống của Người. Một tầm nhìn siêu việt về con người và số phận của họ là cần thiết để hỗ trợ, với những động cơ đúng đắn, giá trị đầy đủ của mỗi cuộc đời con người trong sự năng động tổng thể của nó. [137]

123. Đức tin vào Chúa Giêsu Kitô mang đến một tầm nhìn mở rộng quan điểm về các sự kiện ngẫu nhiên của lịch sử, với câu hỏi cụ thể về nguồn gốc của mọi sự và mục đích cuối cùng của nó: "Chính vì Thiên Chúa tuyên bố lời 'có' vang dội nhất với con người, nên con người không thể không mở lòng đón nhận ơn gọi thần linh để đạt được sự phát triển của chính mình. Chân lý của sự phát triển nằm ở tính toàn vẹn của nó: nếu nó không liên quan đến toàn bộ con người và mọi người, thì sự phát triển không phải là sự phát triển thực sự." [138] Đối diện với lời 'có' mạnh mẽ này của Thiên Chúa Tạo Dựng, ai có thể tự cho mình quyền nói 'không' với một cuộc đời con người và ngăn chặn lịch sử bản thân vừa mới bắt đầu này?

124. Chúng ta thấy một cách điển hình sự tương ứng giữa lời 'có' của Thiên Chúa và sự cộng tác của con người trong việc Truyền Tin cho Đức Mẹ Maria (xem Lc 1:26-38). Trong câu chuyện Tin Mừng, một mối tương quan bản thân và thân mật xuất hiện, trong đó Thiên Chúa và Đức Mẹ Maria (đại diện cho tất cả các tạo vật) là những người đối thoại tự do. Đức Mẹ Maria, trong lời đáp lại Thiên Chúa, biểu lộ mình như một "ngôi vị thần học" trong một cuộc đối thoại độc đáo với Thiên Chúa. Ngài đáp lại lời Thiên Chúa nói với mình bằng một câu "xin Vâng" hoàn toàn và không dè dặt, trong đó ngài từ bỏ bản thân mình vì Thiên Chúa, và do đó đạt được sự tự chủ thực sự. [139] Như vậy, nơi Đức Mẹ Maria, sự cởi mở đối với sự viên mãn siêu việt do Thiên Chúa ban tặng trong Chúa Giêsu Kitô, mà chính phẩm giá của con người hướng tới, được thể hiện một cách gương mẫu. [140] Số phận này không phải là một quà phúc bên ngoài kinh nghiệm của con người. Ngược lại, nó tương ứng một cách vượt trội với động lực được ghi khắc trong sự phát triển của con người và của vũ trụ và do đó hoàn thiện thực tại tự nhiên trong đó chúng ta đang sống. [141]

### **3. Vị trí độc nhất vô nhị của con người trong vũ trụ**

125. Bản sắc bản vị của con người cũng hàm ý vị trí độc nhất vô nhị của họ trong vũ trụ, đối với tất cả các sinh vật khác: "Con người, thực sự, không sai lầm khi nhận ra mình vượt trội hơn những vật thể hữu hình và coi mình hơn cả một phân tử của tự nhiên hay một yếu tố vô danh trong thành phố loài người. Thật vậy, trong nội tâm của mình, họ vượt lên trên vũ trụ của vạn vật: đến những chiều sâu đó, khi họ trở về với chính mình, nơi mà Thiên Chúa, Đấng thấu suốt tâm hồn, đang chờ đợi họ." [142] Hơn nữa, những nỗ lực gần đây nhằm giảm thiểu bản chất con người, bằng cách giảm thiểu vật chất hoặc những nỗ lực được truyền cảm hứng từ chủ nghĩa tự nhiên sinh học [bioluận lý học al naturalism], vẫn là hành vi nghịch lý của con người: ngay cả khi họ mơ ước vượt ra ngoài bản chất con người của mình, hoặc hạ thấp mình xuống mức độ của động vật, con người vẫn không thể tránh khỏi hành động như một con người. Con người, với tư cách là một con người tâm linh, được kêu gọi bước vào một mối tương quan trực tiếp và tức thì với Thiên Chúa, không bao giờ có thể bị hạ thấp một cách hợp pháp xuống thành loại vật thể, càng không thể hạ thấp người khác xuống thành vật sở hữu. [143] Điều thiết yếu, trên hành trình hướng tới bản sắc của chính mình, là mỗi người phải nhận ra vị trí độc nhất vô nhị này trong vũ trụ và trong gia đình nhân loại.

126. Điều này không có nghĩa là các sinh vật sống khác nên được coi là những vật thể đơn thuần để thống trị hoặc bóc lột, vì điều đó sẽ dẫn đến một luận lý học với những hậu quả nghiêm trọng đối với xã hội: củng cố sự sùng bái kẻ mạnh nhất và tạo ra sự bất bình đẳng, bất công và các hành vi bạo lực đối với toàn thể nhân loại và đối với hành tinh. [144] Theo Kinh Thánh, các sinh vật khác xứng đáng được nhìn nhận tích cực, xứng đáng được bảo vệ và tôn trọng, đặc biệt là động vật với tư cách là những sinh vật sống và có tri giác. Con người, mặc dù ở trung tâm của sự sáng tạo, không thể hiểu được bản thân mình trừ khi họ nhìn thấy mình nằm trong bối cảnh của các sinh vật khác và được hợp nhất với chúng. [145] Tuy nhiên, chúng ta phải tránh những thái quá của một số xã hội tiên tiến, đặc biệt là ở phương Tây, có xu hướng coi một số động vật, đặc biệt là động vật nuôi, gần như là con người. [146] Chúng ta phải tránh những cám dỗ hồ tương muốn "nhân hóa động vật" và "hạ thấp con người xuống thành động vật".

127. Từ quan điểm thần học, học thuyết về sự sáng tạo như là hành động của một Thiên Chúa bản vị và siêu việt và sự hiểu biết về con người như là hình ảnh của Thiên Chúa dạy chúng ta rằng vũ trụ hiện hữu là "sân khấu của một sự kiện mang tính bản vị triệt để" trong đó Đấng Tạo Hóa hành động. Do đó, chúng ta được mời gọi nhận ra "tính chất thánh thiêng của sự sáng tạo hữu hình", [147] nơi con người đảm nhận vai trò những người quản lý có trách nhiệm của vũ trụ vật chất. Họ là một phần của thực tại được tạo ra và có khả năng tạo ra một hình thức mới cho trật tự tự nhiên, trở thành tác nhân trong sự tiến hóa của chính vũ trụ, nhưng luôn tôn trọng các quy luật của nó. [148] Đối với sự quản lý thế giới này, được nhận như một quà phúc, họ phải chịu trách nhiệm trước Đấng đã giao phó nó cho họ.

#### **CHƯƠNG IV: NHÂN LOẠI ĐƯỢC KHẲNG ĐỊNH, ĐƯỢC CỨU RỖI VÀ ĐƯỢC NÂNG CAO**

128. Điều mà gia đình nhân loại cần, và trong đó mỗi người đang tìm kiếm bản sắc đích thực của mình, không phải là một bước nhảy vọt về mặt tiến hóa vượt ra khỏi tình trạng hiện tại, mà là một mối tương quan cứu rỗi làm cho cuộc phiêu lưu tự hiện thực hóa trọn vẹn trở nên ý nghĩa và tươi đẹp. Theo nghĩa này, chúng ta nói về một nhân loại được cứu rỗi, nghĩa là được tôn trọng như một quà phúc từ Thiên Chúa chứ không phải bị thay thế. Sự cứu rỗi trong Chúa Kitô là một "sự siêu việt trọn vẹn", theo nghĩa là nó mang lại quá trình tiếp nhận, thanh tẩy và tái tạo con người. Do đó, nó không chủ yếu là vấn đề đẩy nhanh sự phát triển hướng tới các hình thức sống mới, mà là hỗ trợ hành trình của các dân tộc và cá nhân, mang lại mục đích và ý nghĩa cho phép mỗi người hoàn thành ơn gọi của mình, định hình bản sắc của họ như những người con của Thiên Chúa trong một tình huynh đệ phổ quát. Những giấc mơ về chủ nghĩa siêu nhân bản và chủ nghĩa hậu nhân bản giả định việc đơn giản hóa những căng thẳng xuyên suốt kinh nghiệm của con người. Nhưng dự án này, khi xem xét kỹ hơn, lại chứng tỏ là phi nhân bản [dehumanizing].

129. Cuộc phiêu lưu khám phá bản sắc bản vị và xã hội của con người mang một đặc điểm "kịch tính" không thể tránh khỏi. Với phạm trù này, chúng ta muốn khẳng định lại bản chất tự do của quá trình trở thành chính mình, thông qua những hoàn cảnh lịch sử cụ thể—với tất cả những đau khổ, tội lỗi và thất bại—chưa bao giờ được kết thúc dứt khoát trong lịch sử, cho đến tận thời kỳ cánh chung. Tính năng động này, tự nó là tích cực, được nhận ra trước hết trong một số "căng thẳng" hay "đối lập đối cực [polar oppositions]" (theo cách diễn đạt của Romano Guardini), vốn là đặc thù của thân phận tạo vật nhưng, do tội nguyên tổ, cũng được trải nghiệm một cách hỗn loạn và cần được cứu chuộc. Lời rao giảng về ơn cứu độ của Kitô giáo đề xuất một cách sống hoàn toàn nhân bản, nhờ ân sủng, đối với những sự đối lập này, theo một chiều kích vừa chữa lành vừa nâng đỡ. Đó là việc sống chúng như một nơi gặp gỡ với sự kiện cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô và do đó xác minh tính xác thực về mặt nhân học của lời rao giảng về tạo vật mới của Kitô giáo.

##### **1. “Những căng thẳng đối cực” của thân phận tạo vật**

130. Thân phận con người dường như được đánh dấu bởi những căng thẳng hoặc sự phân cực không thể giảm thiểu, mà ý nghĩa của chúng mỗi cá nhân và toàn thể nhân loại như một toàn bộ được kêu gọi khám phá, để kết hợp chúng trong một sự hài hòa làm cho cuộc sống phát triển trong tất cả tiềm năng của nó. [149] Những “căng thẳng đối cực” này cấu thành nên kinh nghiệm chung của con người, và trong chúng, con người khám phá ra hữu thể của mình như

một màu nhiệm mở ra dẫn tới Màu nhiệm Thiên Chúa. Nếu chúng ta muốn hiểu được nguồn lực và khó khăn của hành trình trở thành chính mình, chúng ta phải nhận thức được những sự phân cực đặc trưng của thân phận tạo vật này.

131. Các đối lập đối cực là hình thức sống cụ thể trong mỗi con người và trong cộng đồng. Bản thân cuộc sống con người được cấu trúc theo cách đối lập. [150] Những căng thẳng này vượt qua tất cả các bình diện thực tại và mang những biểu thức khác nhau, trong việc tìm kiếm sự thống nhất trong những sinh vật cụ thể. Trong sự phân cực, sự đối lập đề cập đến một bình diện cao hơn, duy trì sự căng thẳng. Các giới hạn được tích hợp, chứ không bị phủ nhận. Sự đối lập giúp chúng ta hiểu rằng chỉ trong cái cụ thể mới đạt được thực tại trọn vẹn, tạo ra sự tổng hợp trong quá trình phát triển, kết nối và hiện thực hóa sự hài hòa giữa các quyết định đối lập.

132. Những cực đối lập này không nên được hiểu theo luận lý học nhị nguyên, mà là "sự thống nhất của hai". Chúng cũng không thể được đơn giản hóa bằng cách giảm bớt một thuật ngữ, theo luận lý học đơn nguyên về bản sắc, hoặc theo luận lý học nhị nguyên của phép biện chứng đối lập. Do đó, các cực đối lập vượt lên trên chủ nghĩa nhị nguyên và chủ nghĩa đơn nguyên, những thứ tuyên bố nắm bắt được màu nhiệm con người, và chứng minh giá trị thực sự và không thể thiếu của sự khác biệt. Các cực đối lập không triệt tiêu lẫn nhau; một cực không phá hủy cực kia. Không có sự mâu thuẫn hay sự đồng nhất tuyệt đối nào chiếm ưu thế. Để sống tốt với chúng, cần một luận lý học khác, một luận lý học cho phép chúng ta nắm bắt nhịp điệu bên trong của thực tại dưới hình thức trung thực hơn với dữ liệu và hài hòa hơn. Cuối cùng, chúng ta được quy về chính nhịp điệu của đời sống Ba Ngôi, được phản ánh trong công trình sáng tạo, nhờ đó mối tương quan giữa hai ngôi vị không khép kín, cũng không hấp thụ sự khác biệt vào ngôi vị thứ nhất, mà mở ra sự viên mãn trong ngôi vị thứ ba, luôn luôn vượt trội và vô tận.

133. Qua những đối cực, quà phúc ban đầu đi trước và thiết lập vẫn còn nguyên vẹn. Do đó, chúng phải được đón nhận dưới ánh sáng của đặc tính đầy hứa hẹn tuôn chảy từ chính quà phúc đó. Thay vì là "những điều đã cho", các đối cực phải được hiểu là "những quà phúc". Chính trong Chúa Kitô mà các đối cực được hoàn toàn hòa nhập vào một sự hiệp nhất duy trì sự khác biệt và hài hòa chúng trong một sự tổng hợp cao hơn. Khả năng tích hợp hiệp nhất này, tôn trọng thực tại trong tính cụ thể của nó và do đó trong các đối cực của nó, là đặc trưng của quá trình tư duy "và/và [et/et]" điển hình của *tư duy* Công giáo. Và đây là điều xảy ra trong Giáo hội: trong Giáo hội, con người, nhờ ân sủng, có được một cảm giác về thực tại toàn diện, vì trong Giáo hội, chân trời kinh nghiệm của con người và màu nhiệm của họ được mở rộng. Vậy chúng ta hãy xem xét, trong sự tổng hợp nhanh chóng, những cực đối lập được tạo ra này theo một trật tự bắt đầu từ kinh nghiệm trực tiếp nhất của con người cho đến gốc rễ sâu xa nhất, chỉ rõ rằng giữa chúng tồn tại một "tiến trình tuần hoàn", chứ không phải là một sự kế tiếp đơn giản. [151]

134. a) Về sự căng thẳng giữa vật chất và tinh thần, cần nhớ rằng con người, được tạo ra theo hình ảnh của Thiên Chúa, là những sinh vật vật chất cùng chia sẻ thế giới với những sinh vật sống khác. Điều này trước hết ngụ ý rằng thể xác là yếu tố thiết yếu đối với bản sắc của con người, nhưng nó cũng có nghĩa là thế giới vật chất tạo ra các điều kiện cho sự gắn kết của con

người với nhau và do đó tích hợp các mối tương quan giữa các cá nhân: trong gia đình, trong các dân tộc và trong nhân loại. Nhân học Kinh Thánh loại trừ thuyết nhị nguyên tâm-thể [mind-body], tránh cả sự giản lược tinh thần và vật chất về con người: con người là "sự thống nhất của linh hồn và thể xác". [152] Sự thống nhất này, không loại bỏ tính phân cực mà thống nhất nó ở bình diện cao hơn, có thể được nắm bắt trong biểu tượng của "trái tim", như đã chỉ ra: "Cốt lõi của mỗi con người, trung tâm thân mật nhất của họ, không phải là cốt lõi của linh hồn mà là của toàn bộ con người trong bản sắc độc nhất của họ, đó là linh hồn và thể xác. Mọi thứ được thống nhất trong trái tim, nơi có thể là địa bàn của tình yêu với tất cả các thành phần tinh thần, tâm lý và thậm chí cả thể chất của nó." [153]

135. Về mối tương quan giữa bản chất tinh thần của con người và vật chất đang tiến hóa, điều quan trọng cần nhấn mạnh là con người không thể chỉ được giải thích như kết quả của sự tiến hóa của vật chất: "Mỗi chúng ta đều sở hữu trong mình một bản sắc bản vị có khả năng tham gia vào cuộc đối thoại với người khác và với chính Thiên Chúa. [...] Sự mới mẻ về chất lượng được hàm ý bởi sự xuất hiện của một hữu thể bản vị trong vũ trụ vật chất giả định một hành động trực tiếp của Thiên Chúa, một lời kêu gọi cụ thể bước vào sự sống và vào mối tương quan của một Ngài [You] với một Ngài khác". [154] Do đó, chúng tôi nhắc lại rằng con người "không được lệ thuộc như một phương tiện hay một công cụ đơn thuần cho loài người hay cho xã hội". [155] Là được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa, con người có khả năng xây dựng mối tương quan hiệp thông với Thiên Chúa Ba Ngôi và với những người khác, nhưng cũng có khả năng thực hiện thông qua công việc của mình một sự phục vụ cho vũ trụ được tạo dựng. [156]

136. b) Chúng ta hãy chuyển sang xem xét sự căng thẳng giữa *nam* và *nữ*. Thành quả đẹp nhất của *sự khác biệt giới tính* là sự nhận biết người khác và sự phản chiếu người khác trong sự hỗ tương, điều này bắt nguồn từ cuộc gặp gỡ giữa *người đàn ông* và *người đàn bà* trong A-đam và E-và, với sự kinh ngạc sau đó: «Khi Thiên Chúa cuối cùng giới thiệu người đàn bà, người đàn ông hân hoan nhận ra rằng sinh vật đó, và chỉ sinh vật đó mà thôi, là một phần của mình: “xương của xương tôi, thịt của thịt tôi” (*Sáng thế* 2:23). Cuối cùng đã có sự phản chiếu, sự hỗ tương. [...] Con người vốn dĩ như vậy, họ thiếu một thứ gì đó để đạt đến sự trọn vẹn, họ thiếu sự hỗ tương». [157] Trong việc tìm cách định hình bản sắc của chính mình, người ta bằng cách nào đó liên hệ đến người kia và ngược lại: «Sự khác biệt giữa nam và nữ không phải để đối lập hay lệ thuộc, mà là để hiệp thông và sinh sôi nảy nở. [...] Để hiểu rõ bản thân và phát triển hài hòa, con người cần sự hỗ tương giữa nam và nữ». [158] Bản sắc của nam và nữ không phải là một biến số ngẫu nhiên có thể được định hình một cách độc lập hoặc thậm chí trái ngược với ý nghĩa ban đầu và vĩnh cửu của nó; nó không phải là một thuộc tính được quản lý theo nhận thức chủ quan, mà là một quà phúc được đón nhận như một phước lành từ một Thiên Chúa là tình yêu (xem *1 Ga* 4:8), trong một động lực không khép kín mà mở ra một chiều kích của "sự hiệp nhất của hai người" (theo giáo huấn của Đức Gioan Phao-lô II). [159] Đây là thách thức của việc trở nên "sáng tạo", tức là có khả năng hiến dâng bản thân cho người khác, mở ra cho người thứ ba và do đó cho một cuộc sống mới. Xu hướng hiện tại là phủ nhận hoặc muốn bỏ qua sự khác biệt tự nhiên này, được đón nhận như một quà phúc, và thay thế nó bằng bất cứ khả năng nào mà trí tuệ con người có thể tưởng tượng, trở

thành một cách nguy hiểm để xóa bỏ bản sắc thể xác thực sự và tự khép kín trong việc tự chiêm niệm nội giao (endogamous self-contemplation].

137. c) Hơn nữa, không được quên *sự căng thẳng giữa cá nhân và cộng đồng*. Mỗi con người được tạo ra theo hình ảnh Thiên Chúa là một ngôi vị, có khả năng nhận thức và yêu thương, phát biểu chính mình *vừa là một cá nhân vừa là một thành viên của cộng đồng*. Con người có tính tương quan và xã hội, được bao gồm trong gia đình nhân loại. Do đó, con người được kêu gọi hiện thực hóa chiều kích xã hội của mình trong gia đình, tôn giáo, dân sự, nghề nghiệp và các nhóm khác, cùng nhau tạo thành xã hội mà mỗi người thuộc về. [160] Bản chất xã hội cơ bản của sự hiện hữu của con người phải được dung hòa với sự thừa nhận giá trị bất khả xâm phạm của con người, với cá tính và tính độc đáo của họ, cũng như tầm quan trọng của các quyền cá nhân và sự đa dạng văn hóa.

138. d) Cuối cùng, cần phải nhớ đến sự căng thẳng giữa *hữu hạn và vô hạn*. Con người cảm thấy được kêu gọi khẳng định bản sắc của mình trong sự căng thẳng hướng tới một sự trọn vẹn (vô hạn) bị đặt câu hỏi bởi tính ngẫu nhiên và bởi giới hạn (hữu hạn). Không ai có thể sống mà không có một số cõi mở đối với thực tại toàn thể và ý nghĩa của nó, ngay cả dưới hình thức từ chối. [161] Nhờ bản chất tâm linh (nhập thể) của mình, mỗi người đều *capax omnia*, cõi mở một cách nào đó đối với sự hiện hữu trong mọi sự, và cũng *capax Dei*. Sự tham chiếu này không nên được coi như một mục tiêu vô hạn cần đạt được bắt đầu từ những trải nghiệm riêng lẻ về thực tại hữu hạn và có giới hạn hoặc từ sự tích lũy các trải nghiệm khác nhau. Thay vào đó, sự khôn ngoan của Israel dạy chúng ta rằng sự cõi mở đối với toàn thể là chân trời kịch tính cần thiết mà từ đó hữu hạn có thể được nắm bắt như vậy (xem Gv 3:9-11; Hc 43:26-28). Do đó, trong hành trình lịch sử nghiên cứu và phát triển bản sắc của mình, con người được kêu gọi lòng ý nghĩa mãnh mẽ vào toàn thể và nắm bắt sự thống nhất về ý nghĩa trong các kết nối của nó. Thực tại không được nắm bắt một cách riêng biệt, không phải là hữu hạn cũng không phải là vô hạn, mà là một sự thống nhất của đồng nhất-khác biệt của hữu hạn-vô hạn. Đây là sự căng thẳng được phản ánh trong lời cầu nguyện nổi tiếng của Thánh Augustinô: «Ngài đã tạo ra chúng con cho chính Ngài và trái tim chúng con không yên nghỉ cho đến khi nó được yên nghỉ trong Ngài», [162] điều này sẽ được tiếp thu trong văn hóa thời trung cổ, đạt đến một sự tổng hợp văn học tuyệt vời giữa *cor inquietum* [trái tim bất an] của Thánh Augustinô và cuộc phiêu lưu không ngừng nghỉ của Ulysses trong *Thần Khúc*. Trên thực tế, về nhu cầu toàn thể này trong việc biết và sống, Ulysses của Dante thúc giục những người bạn đồng hành của mình: «Hãy xem xét nguồn gốc của các người, / Các người không được tạo ra để sống như loài thú, / Mà để theo đuổi đức hạnh và tri thức». [163]

## **2. Kinh nghiệm của con người trong bi kịch tội lỗi và ân sủng**

139. Giờ đây, chúng ta chuyển sang một điểm đang biến mất có tính chuyên biệt Ki-tô giáo và thần học. “Những căng thẳng đối cực” được chứng thực như một động lực thúc đẩy sự phát triển năng động của con người. Tự do của con người, luôn được đặt trong một lịch sử được tạo nên từ những cuộc gặp gỡ và xung đột với các tự do khác, tuy nhiên lại bị đánh dấu bởi tội nguyên tổ, được xác nhận trong các tội lỗi bản thân, và do đó được trải nghiệm như một tình trạng sa ngã và như một tự do bị tổn thương, tự phơi bày trước sự hiện thực hóa một phân và hỗn loạn. Mặt khác, lịch sử chứng thực kinh nghiệm về khả năng sống thân phận con

người luôn được cứu chuộc, duy trì và nâng cao bởi ân sủng. [164] Từ quan điểm này, phạm trù “kịch tính” hàm ý cả rủi ro mà tự do phải đối diện trên con đường hiện thực hóa bản thân của nó, bởi vì nó có thể mâu thuẫn với điều kiện ban đầu của nó trong tội lỗi, và khía cạnh kịch tính của sự cứu chuộc trong chừng mực nó được hiện thực hóa thông qua cuộc gặp gỡ giữa tự do của Con Thiên Chúa và tự do của mỗi người được định vị trong lịch sử.

### **2.1. Sự đổ vỡ của các mối tương quan cấu thành nên bản sắc con người**

140. Chúng ta hãy dừng lại một chút ở bản văn sách Sáng thế, nơi chúng ta tìm thấy một mô tả mang tính biểu tượng-thần thoại về một thực tại cụ thể đã làm tổn thương sự hiện hữu của con người. Gốc rễ của tình trạng sa ngã, điều khiến chúng ta hiểu sai ý nghĩa đích thực của các cực đối lập và đánh mất tầm nhìn về đặc tính đầy hứa hẹn của sự khác biệt hoặc giới hạn, là sự gián đoạn của các mối tương quan cấu thành nên bản sắc đích thực (xem Sáng thế 3:11): "Vì qua tội lỗi, con người từ chối phục tùng Thiên Chúa, nên sự cân bằng nội tâm của họ cũng bị phá vỡ, và những mâu thuẫn và xung đột bùng phát trong chính họ. Như vậy, con người gần như chắc chắn tạo ra một vết rách trong cấu trúc các mối tương quan của họ với những người khác và với thế giới được tạo dựng." [165] Đây là sự từ chối quà phúc của Thiên Chúa và do đó là mối tương quan với Đấng Tạo Hóa: "Đây là 'mối tương quan' đầu tiên và cơ bản, mang lại giá trị cho cả việc con người được tạo thành từ 'bụi đất' và việc họ sống nhờ 'hơi thở' thần linh." [166] Trong quá trình chuyển từ quà phúc sang mệnh lệnh, xác định và đề xuất một nhiệm vụ, sự nghi ngờ len lỏi vào (xem Sáng thế 3), được truyền đạt bởi con rắn, làm thay đổi quan điểm về Thiên Chúa và thực tại và dẫn đến sự vi phạm, làm tổn hại mối tương quan với Đấng Tạo Hóa. [167]

141. Hậu quả đầu tiên của sự đứt gãy này là sự rối loạn, bên trong chính con người, giữa chiều kích vật chất/thể xác và chiều kích tâm linh. [168] Sự rối loạn này hàm ý mất đi sự hài hòa giữa hai chiều kích và đòi hỏi sự cảnh giác đặc biệt trong việc nhận ra bên trong chính mình linh hồn bất tử và không để bản thân bị "lừa dối bởi một sáng tạo tưởng tượng chỉ có thể được giải thích bằng các điều kiện vật chất và xã hội", mất đi khả năng "chạm sâu sắc vào chân lý của vạn vật". [169] Sự rối loạn trong mối tương quan với vật chất cũng ảnh hưởng đến chính thể xác, nơi trải nghiệm sự hạn chế và mong manh, như có thể thấy trong "sự trần trụi" khi nó mất đi sự ngây thơ và tính toàn vẹn ban đầu của nó và do đó trở thành con tin của người khác. Nói rộng hơn, chính sự mất mát giá trị biểu tượng của mọi thứ, bị giảm xuống thành vật chất để bị thao túng một cách tùy tiện chỉ vì lợi nhuận, thay vì được coi là dấu hiệu của một mầu nhiệm lớn hơn, là gốc rễ của cuộc khủng hoảng sinh thái hiện nay. [170]

142. Các mối tương quan liên ngã cũng bị tổn hại. Trước hết, mối tương quan giữa nam và nữ, sau đó là giữa anh chị em ruột, và cuối cùng thậm chí là giữa các dân tộc. Chúng ta đang chứng kiến sự gia tăng xung đột giữa con người: "Sự đoạn tuyệt với Gia-vê đồng thời phá vỡ sợi dây tình bạn từng gắn kết gia đình nhân loại, do đó những trang tiếp theo của sách Sáng thế cho chúng ta thấy nam và nữ, như thể, chỉ tay buộc tội lẫn nhau; sau đó người anh em, thù địch với anh em mình, cuối cùng đã lấy mạng anh ta. [...] Hậu quả của tội lỗi là sự phân mảnh của gia đình nhân loại, điều đã bắt đầu với tội lỗi đầu tiên và giờ đã đạt đến cực điểm trong hình thức xã hội của nó." [171] Tình huynh đệ phổ quát, được ghi khắc trong nguồn gốc chung của chúng ta, không được công nhận một cách đầy đủ; Thật vậy, nó liên tục bị xúc

phạm bởi sự biểu hiện của rất nhiều đặc điểm và khác biệt xã hội, những điều tạo cơ cho sự kiêu ngạo ẩn sâu trong trái tim con người và được củng cố trong việc khẳng định bản sắc của chính mình trong sự đối đầu mang tính tranh luận với những người khác. Do đó, lịch sử, ngay từ đầu, đã được đánh dấu bằng sự cạnh tranh và chiến tranh, và các dân tộc sẽ phải nổi lên từ đống đổ nát mỗi lần, cố gắng hàn gắn những vết nứt và vẽ lại những hình ảnh về hòa bình và liên đới. [172]

## **2.2. Sự cứu rỗi thông qua nhân tính của Chúa Kitô**

143. Sáng kiến tự do của Thiên Chúa, giúp đỡ mọi người và mọi dân tộc trên hành trình hình thành bản sắc của họ, tìm thấy hình thức hiện thực hóa miễn phí và cụ thể của nó trong lịch sử cứu rỗi. Trong đó, Thiên Chúa đã tỏ mình cho loài người bằng cách đồng nhất mình trong mỗi tương quan với họ. Người đã tỏ mình cho Mô-sê là Thiên Chúa của Áp-ra-ham, I-sa-ác và Gia-cóp (xem Xuất Hành 3 và 6). Chúa Giêsu đã mặc khải trọn vẹn cho chúng ta mẫu nhiệm Thiên Chúa là Cha, Con và Thánh Thần, Đấng ban cho chúng ta trở thành con cái trong Con, anh em, có khả năng gọi Thiên Chúa là Cha và là Cha chúng ta. Trong các mẫu nhiệm đời sống của Chúa Kitô, quyết tâm hiếu thảo trong tự do của Chúa Giêsu được biểu lộ theo mức độ của mỗi tương quan hỗ tương với Chúa Cha, mà Ngài vốn sống trong Chúa Thánh Thần. Dưới ánh sáng lời cầu nguyện được Chúa Giêsu dâng lên Chúa Cha (xem *Mt* 11:27), chúng ta khám phá ra những yếu tố cơ bản để hiểu trọn vẹn mỗi tương quan với Thiên Chúa. Trước hết là sáng kiến của Thiên Chúa, được biết đến và nhận ra là Chúa Cha, Đấng hiến dâng trọn vẹn chính mình cho Chúa Con. Thứ hai, Chúa Giêsu dạy rằng chỉ có Chúa Con mới biết Chúa Cha (xem *Ga* 10:15): chỉ có Đấng nhận biết mình là Con mới biết và nhận biết Cha là Cha. Yếu tố thứ ba là sự hỗ tương năng động giữa Cha và Con, nơi sự bất đối xứng của nguồn gốc (chỉ có Cha là khởi đầu không có khởi đầu) được thể hiện trong sự đối xứng của lòng vị tha và sự trọn vẹn của quà phúc trao đổi lẫn nhau. Tình yêu thương lẫn nhau giữa Cha và Con được bày tỏ và ban cho các môn đệ qua sự tuôn đổ của Chúa Thánh Thần như một quà phúc ngôi vị [person-gift]. Người cũng cho phép các môn đệ kêu lên từ tận đáy lòng: "Abba, Bô ôi!" (xem *Rô-ma* 8:15; *Ga-lát* 4:6). [173] Thiên Chúa, Đấng tự tỏ mình là Cha, Con và Thánh Thần, do đó tự tỏ mình là Cha "của chúng ta" (xem *Mát-thêu* 6:9-13), Cha của tất cả loài người sống trong thời gian và không gian. Mỗi con người được mời gọi nhận ra và đón nhận quà phúc về bản sắc tạo vật của mình trong gia đình tạo thế lớn hơn. [174] Nhưng sự mặc khải trọn vẹn về con người chúng ta là ai và chúng ta được mời gọi trở thành ai được ban cho chúng ta bởi sự nhập thể của Đấng là Hình ảnh của Cha, Đấng mà chúng ta được tạo dựng và thần thánh hóa theo hình ảnh và giống như Người (xem *Cô-lô-sê* 1:15) và Đấng đã cứu chuộc chúng ta khỏi tội lỗi. [175]

144. Chúa Giêsu Kitô đồng nhất với mọi khía cạnh của việc trở thành con người đích thực. Và Người làm như vậy bằng cách hòa mình vào một dân tộc cụ thể, với lịch sử và truyền thống riêng, đó là dân tộc Do Thái, được Thiên Chúa chọn và kêu gọi để trở thành nguồn phước lành cho muôn dân. Người làm như vậy bằng cách nhận lấy sự sống trần thế từ Đức Maria, vợ của Giuse, thuộc chi tộc Giuđa, và bằng cách học nghề thợ mộc của gia đình. Ngài nhận được trọn vẹn ân phúc của Thánh Thần ngay từ khi thụ thai, và trong phép rửa tội ở sông Gióc-đan, Người được sai đi để thực hiện sứ mệnh được giao phó cho Người. Chính Thánh Thần, ngay từ khi thụ thai, đã thẩm nhuần và định hình nhân tính của Người theo bản

sắc con thảo mà Cha đã ban cho. Bằng cách này, Con Thiên Chúa hiện thực hóa bản sắc bản vị và tương quan vĩnh cửu mà Người nhận được từ Cha, trong nhân tính đích thực của chúng ta và do đó hoàn toàn tỏ lộ hữu thể nhân bản cho chính mình. [176] Trong một lịch sử cụ thể và với tư cách là một thành viên của gia đình nhân loại, Người trở thành anh em của chúng ta, mở đường cho chúng ta nhận lãnh một bản sắc mới và nuôi dưỡng bản sắc này trong chúng ta, như anh chị em của Người.

145. Sự hiến dâng trọn vẹn của Người cho chúng ta được biểu lộ qua thân thể bị đâm thủng và máu Người đổ ra trên thập giá để cứu rỗi chúng ta, và càng trở nên “thuộc về chúng ta” hơn nữa trong sự phục sinh của Người vì chúng ta. Chúa Kitô, Đấng cứu rỗi chúng ta trên thập giá, hiện diện với chúng ta trong hình hài sống lại, tràn đầy sự sống, và từ trái tim bị thương và biến đổi của Người, ơn ban của Chúa Thánh Thần đến với chúng ta. Mầu nhiệm Phục Sinh này đã mở ra cho chúng ta khả năng thực sự đạt được sự viên mãn của con người, điều mà chúng ta bắt đầu tận hưởng trong cuộc sống hằng ngày. Như Đức Giáo Hoàng Leo XIV đã tuyên bố: “Chúa Kitô đã sống lại. Người thực sự đã sống lại! [...] Chúng ta phải cầu xin ơn có thể nhìn thấy sự chắc chắn của Phục Sinh trong mọi cuộc đấu tranh của cuộc sống”. [177] *Mầu nhiệm Phục Sinh của Chúa Kitô chạm đến đời sống con người của chúng ta trong mọi chiều kích, ở mọi giai đoạn và trong mọi khoảnh khắc.* Chúng ta cần nhận thức về nhu cầu được cứu rỗi của mình: Chúa Kitô cứu rỗi chúng ta hôm nay!

146. Cuộc gặp gỡ với nhân tính của Chúa Giêsu Kitô soi sáng nhân tính của chúng ta và tỏ lộ chúng ta cho chính mình. Trước hết, nó khôi phục lại cho chúng ta cảm thức tự do của mình trước lời kêu gọi của Đấng Tạo Hóa, chính cùng lúc Người hoàn thành ơn gọi của chúng ta là tham gia vào sự viên mãn cánh chung của đời sống phục sinh của Người. Sự nhận thức về sự viên mãn của thân phận con người (xem Ê-phê-sô 4:13) và "sự hoàn hảo Kitô học của con người đặt ra câu hỏi về quyền tự chủ tuyệt đối mà người tội lỗi đã chọn cho mình. Vì vậy, việc rao giảng Tin Mừng không thể tách rời khỏi việc rao giảng về sự phán xét và lời kêu gọi hoán cải." [178] Theo Chúa Kitô bao gồm việc vượt qua của Thập giá, một hành trình không hủy hoại hữu thể của con người, nhưng loại bỏ nhiều hình thức tha hóa và soi sáng sự phán xét mang tính phê phán đối với hành vi của con người, theo thước đo của Chúa Kitô, phục vụ phẩm giá con người và lợi ích chung trong xã hội, mang lại công lý trọn vẹn thông qua lòng bác ái.

147. “Mầu nhiệm bác ái” của Chúa Giêsu Kitô mang đến một tầm nhìn hoàn cầu về thực tại mới mẻ và, “mặc dù [...] nó đặt những mong muốn của con người hiện đại dưới sự xem xét phê phán, nhưng nó vẫn khẳng định tầm quan trọng của chúng, thanh tẩy chúng và vượt lên trên chúng”. [179] Mong muốn này, cũng có thể được thoáng thấy trong những giấc mơ được thể hiện bởi các hình thức khác nhau của chủ nghĩa siêu nhân bản và chủ nghĩa hậu nhân bản, được soi sáng bởi ánh sáng của sự viên mãn trong Chúa Kitô: “Điều mà tất cả mọi người tìm kiếm, mong muốn và hy vọng, ít nhất là mặc nhiên, là siêu việt, vô hạn đến mức chỉ có thể tìm thấy ở Thiên Chúa. Sự nhân hóa thực sự của con người đạt đến đỉnh cao trong sự thần thánh hóa vô điều kiện của họ, tức là trong tình bạn và sự hiệp thông với Thiên Chúa. [...] Ân sủng của Chúa Giêsu Kitô làm thỏa mãn dồi dào những mong muốn sâu sắc nhất của con người, ngay cả những mong muốn vượt quá giới hạn sức mạnh của con người”. [180] Sự viên mãn của con người trong Thiên Chúa không hấp tấp cũng không làm giảm bớt con người,

cũng như nó không làm nghèo đi thần tính được truyền đạt. Thực tế, đó là một cuộc gặp gỡ của tự do, nơi Thiên Chúa thần thánh hóa đồng thời nhân hóa con người.

### **3. Nhân tính mới trong Thần Khí của Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa**

148. «Trên thực tế, mẫu nhiệm của con người chỉ được soi sáng trong mẫu nhiệm Ngôi Lời nhập thể». [181] Trong biến cố Chúa Giêsu Kitô, “kế hoạch đã được thiết lập trước” của Chúa Cha dành cho các tạo vật, và đặc biệt là cho loài người, đã được mặc khải (xem *Công vụ* 2:22-23; *Ê-phê-sô* 1:1-14). [182] Nhân học Kitô giáo được soi sáng trọn vẹn khi nhận ra rằng chúng ta đã được Chúa Cha muốn và tạo dựng để trở thành “con cái trong Chúa Con” và tham gia, nhờ ơn ban của Chúa Thánh Thần, vào sự hiệp thông của tình yêu nội tại Thiên Chúa. [183] Điều mà chúng ta, những người Kitô hữu, gọi là “ân sủng” trước hết và trên hết là chính Thiên Chúa, Đấng ban chính mình cho chúng ta trong Chúa Kitô như một tình yêu nâng cao chúng ta, thanh tẩy chúng ta, biến đổi chúng ta và đưa cuộc sống của chúng ta đến sự viên mãn. Ân sủng trước hết và trên hết là chính Người, Đấng cứu chuộc chúng ta trên thập tự giá; chính Người, khi còn sống, ban cho chúng ta Chúa Thánh Thần, và do đó mang lại một động lực mới của sự cứu rỗi, của sự đổi mới trong hữu thể và trong cuộc sống của chúng ta.

149. Việc thực hiện kế hoạch thần linh này, được mặc khải trong Giao ước, bắt đầu từ sự sáng thể, và sự viên mãn của nó chính là biến cố Kitô học sẽ đạt đến đỉnh điểm khi mọi sự được quy tụ lại trong Chúa Cha và Thiên Chúa sẽ là tất cả trong mọi sự (xem *1 Cô-rin-tô* 15:20-28). [184] Chúa Kitô là A-đam thứ hai, theo hình ảnh của A-đam thứ nhất được tạo dựng (xem *Rô-ma* 5:14). Nhân học Kitô giáo, như được đề xuất trong *Gaudium et Spes*, do đó nhận ra những đặc điểm đầy đủ của con người dưới ánh sáng nhân tính của Chúa Giêsu thành Na-da-rét. Không chỉ vì Người là hình mẫu không thể vượt qua, mà còn vì chính nhờ sự phù hợp của lịch sử bản thân của mỗi con người với lịch sử riêng của họ, nhờ ơn ban của Chúa Thánh Thần, mà chúng ta trở thành con cái của Chúa Cha, hoàn thành ơn gọi của con người: "Nhờ sự Nhập Thể của Người, Con Thiên Chúa đã kết hợp với mọi người cách nào đó." [185]

150. Qua những mẫu nhiệm trong cuộc đời của Chúa Giêsu, sự hoàn thành và biến đổi của thể giới và của Lịch sử được tạo nên. Chúng ta không vượt quá Chúa Giêsu Kitô, nhưng chúng ta tìm cách đến với Người, đi sâu hơn nữa vào mẫu nhiệm Phục Sinh của Người. Trong Chúa Kitô, các tín hữu được "biến đổi thành hình ảnh của Người từ vinh quang này đến vinh quang khác, vì điều này đến từ Thánh Thần của Chúa" (*2 Cô-rin-tô* 3:18). Trên thực tế, Chúa Kitô đã mang đến tất cả sự mới mẻ khi mang chính mình đến, và Chúa Thánh Thần dẫn nhập chúng ta vào sự mới mẻ này của Chúa Kitô. [186] Không thể có "siêu" hay có "hậu" nào mà sự mới mẻ của Chúa Kitô chưa tích hợp trước đó. Chúa Kitô là Lời cuối cùng của Thiên Chúa trong tất cả sự mới mẻ vô song của Người.

151. Đời sống của người tín hữu, vốn tự phát biểu qua sự đáp lại lời kêu gọi (xem *Ga* 15:16), không chỉ được hiện thực hóa trong một khoảnh khắc, mà được kéo dài trong sự kết hợp của người Kitô hữu vào Chúa Kitô, trong Chúa Thánh Thần, để dâng hiến mọi thứ cho Chúa Cha. Đời sống Kitô giáo như một ơn gọi được chuyển thành sự tham gia của hiện hữu bản thân vào sự tồn tại của Chúa Kitô "cho đến khi Chúa Kitô được hình thành trong anh em" (*Ga-lát* 4:19). Đây là nguyên tắc tối thượng của sự thống nhất nhân loại. Đó là sự đồng hóa dần dần

với Chúa Kitô, đến mức có cùng tình cảm của Người (xem *Phi-líp* 2:5), cùng tư tưởng của Người (xem *1 Cô-rin-tô* 2:16). Trở nên giống Con, nhờ ơn ban của Thánh Thần, đời sống ơn gọi trên hết được diễn dịch thành một tình yêu không giữ lại gì mà dâng hiến tất cả cho Cha trong sự vâng phục con thảo (xem *Ga* 10:17-18; *Do Thái* 10:8-10), vì ơn cứu độ và hạnh phúc của anh chị em.

152. Tính toàn thể của hiện hữu luôn luôn là một mẫu nhiệm, tuy nhiên, mẫu nhiệm này không còn là một bí ẩn xa lạ nữa, mà trở thành một không gian trong đó chúng ta bắt đầu hiểu và trải nghiệm điều gì đó về Mẫu nhiệm tình yêu của Thiên Chúa, chừng nào chúng ta tự nguyện gắn bó với nó (xem *1 Ga* 2:3-6). Trong đời sống "trong Chúa Kitô" này, các cực tính nhân học đạt được sự viên mãn vô điều kiện của chúng. Sự căng thẳng giữa hữu hạn và vô hạn được giải quyết bằng việc nhận ra bản thân mình được yêu thương trong sự tồn tại hữu hạn của chúng ta, nhưng đồng thời, trong niềm hy vọng, hướng tới một sự trọn vẹn mà chúng ta thậm chí không thể tưởng tượng nổi.

153. Sự căng thẳng giữa *vật chất và tinh thần* (linh hồn/thể xác) tìm thấy ý nghĩa trọn vẹn của nó trong sự phục sinh từ cõi chết. Nhờ đó, con người được cứu rỗi hoàn toàn, vì thân thể được phục sinh, theo một nghĩa nào đó, trở thành dấu hiệu hữu hình, minh bạch của toàn bộ con người, chiều kích tiết lộ bản chất tinh thần của nó, vẫn là đỉnh cao thống nhất của bản ngã và chứng tỏ sự khác biệt của nó với các loài động vật khác.

154. Sự căng thẳng giữa *nam và nữ* tìm thấy quan điểm thích hợp của nó trong thông điệp Kitô giáo về nam và nữ như những ngôi vị được tạo dựng theo hình ảnh của một Thiên Chúa bản vị trong ơn gọi hiệp nhất của hai người (xem Sáng 1:27) với phẩm giá như nhau. Như vậy, người ta có thể nhận ra tính độc đáo của sự khác biệt giới tính, một biểu hiện của mẫu nhiệm Thiên Chúa: nhờ vào sự hiệp nhất yêu thương giữa hai người, về mục đích sinh sản của nó và về sự cởi mở của nó đối với sự hiệp thông liên ngã và với Thiên Chúa. [187] Sự phân cực này không bị xóa bỏ trong sự phục sinh của Chúa Kitô và trong sự biến đổi của con người bắt nguồn từ đó: "Được gieo xuống là thân xác tự nhiên, được sống lại là thân xác thiêng liêng. Có thân xác tự nhiên (*psykikôn*), cũng có thân xác thiêng liêng (*pneumatikôn*)" (*1 Cô-rin-tô* 15:44-45). Kinh Thánh dạy rằng trong sự phục sinh, con người sẽ giống như các thiên thần và sẽ không kết hôn cũng không được gả chồng (xem Mát-thêu 22:30), nhưng thân xác phục sinh vẫn giữ nguyên bản sắc giới tính của thân xác vật chất. Chúa Giêsu trong thân xác phục sinh của Người vẫn là người đàn ông, và Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa, trong thân xác được rước lên trời, vẫn là người đàn bà. Điều đúng với Chúa Giêsu và Đức Maria cũng đúng với nhân loại.

155. Cuối cùng, sự căng thẳng giữa *cá nhân và cộng đồng*, điều này cũng hàm ý sự căng thẳng giữa các nền văn hóa, tìm thấy điểm hội tụ của nó trong sự hiệp thông Thánh Thể và Giáo hội cho đến khi nó được hoàn thành, đó là sự hiệp thông của các thánh. Trải nghiệm Kitô giáo được thể hiện như việc thuộc về dân Chúa, những người hành trình xuyên suốt lịch sử hướng tới vận mệnh của họ. Sự thuộc về này không làm mất đi bản sắc cá nhân, mà ngược lại, làm cho nó khả hữu và thúc đẩy nó: "Về vấn đề này, lý trí tìm thấy nguồn cảm hứng và định hướng trong mạc khải Kitô giáo, theo đó cộng đồng nhân loại không hấp tấp cá nhân vào chính mình, tiêu diệt quyền tự chủ của người đó, như xảy ra trong các hình thức toàn trị

khác nhau, mà ngược lại, coi trọng người đó hơn nữa, bởi vì mối tương quan giữa cá nhân và cộng đồng là mối tương quan của một tổng thể hướng tới một tổng thể khác." [188] Đây là một sự thuộc về không bao giờ độc quyền và khép kín, không thiết lập một "chúng tôi" chống lại một "các anh". Thay vào đó, đó là một sự thuộc về bao hàm cam kết khẳng định tình huynh đệ phổ quát, trong sự hài hòa có thể với các trải nghiệm tôn giáo khác. [189] Nếu trong trật tự được tạo dựng sẽ luôn có một sự căng thẳng nhất định giữa cá nhân và những đòi hỏi của sự hiện hữu xã hội, thì trong đời sống ân sủng, người ta tham gia bằng cách hòa hợp hoàn hảo giữa Ba Ngôi, những người chia sẻ sự hiệp thông của một đời sống thần linh duy nhất. [190]

156. Sự kết hợp vào Chúa Kitô diễn ra thông qua dòng chảy cụ thể của sự sống tuôn chảy từ Người, trong dấu hiệu của sự hiệp nhất của các Kitô hữu rao giảng Lời Chúa và cử hành các bí tích. Giáo hội làm cho hồng ân thần linh trở nên hữu hình để tất cả mọi người có thể trải nghiệm một cách hữu hiệu việc rao giảng ơn cứu độ và tham gia vào đời sống mới trong Chúa Kitô. [191]

Biểu thức tuyệt đỉnh trong Giáo hội và trong lịch sử về thực tại mới của đời sống con người được ban cho trong Chúa Kitô là Bí tích Thánh Thể. Qua sự hiệp thông với Mình và Máu Chúa Giêsu, tức là, chính nhờ sự hiệp thông đó mà trở thành sự hiệp thông với Thiên Chúa, các môn đệ trở thành dân Thiên Chúa. Sự hiệp thông như vậy không thể giải thích được theo cách xã hội học đơn thuần, bởi vì nó được sinh ra bởi Chúa Thánh Thần (xem 2 *Cô-rin-tô* 13:13). [192] Việc cử hành Thánh Thể đảm nhận và tái sinh các mối tương quan của con người và mở ra cho sự hiệp thông của Ba Ngôi. Phải nhấn mạnh rằng trong sự hiệp thông Giáo hội, nhu cầu sâu sắc về sự hiệp nhất của cá nhân và của nhân loại được hoàn thành, dù vẫn chưa hoàn hảo, điều đã dẫn dắt rất nhiều không tương xã hội và cách mạng trong lịch sử mà chưa bao giờ đạt được. Thật vậy, trong sự hiệp thông Thánh Thể, cá nhân và cộng đồng không bị đặt đối lập nhau gây hại cho nhau, mà được mời gọi đến với nhau theo một vòng tuần hoàn chỉ tìm thấy sự thể hiện đầy đủ từ bên trong Mầu nhiệm Ba Ngôi. Thánh Thể không chỉ soi sáng đời sống xã hội và lịch sử, mà còn cả mối tương quan với tạo vật, theo lời hứa của Chúa: "Vì chúng ta [...] trông đợi trời mới và đất mới, nơi sự công chính ngự trị" (2 *Phê-rô* 3:13; so sánh *Khải Huyền* 21:1). [193] Nhịp điệu của đời sống tạo vật, trong các mùa khác nhau, được các lễ cử hành bí tích đón nhận và mở ra để truyền đạt ân sủng của Thiên Chúa, đưa nó vào Mầu nhiệm Phục Sinh của Chúa Kitô. Đặc biệt, việc cử hành Thánh Thể Chúa Nhật mang một ý nghĩa vũ trụ. [194]

157. Sự tha thứ và lòng thương xót cũng góp phần quyết định vào việc tạo ra các mối dây hiệp thông mang lại sự hòa giải có khả năng phá bỏ những bức tường ngăn cách giữa các cá nhân và giữa các dân tộc (so sánh *Ê-phê-sô* 2:13-14; *Cô-lô-sê* 1:20). Trong bí tích hòa giải, Thiên Chúa tái sinh những trái tim bị tổn thương bởi sự ác và tội lỗi, cũng như các mối tương quan huynh đệ, cho phép chúng ta bắt đầu lại không phải từ kinh nghiệm về điều ác đã làm hoặc đã chịu đựng, mà từ sự trọn vẹn của tình yêu Thiên Chúa. [195] Bằng cách này, các quá trình hòa giải cũng được thúc đẩy ở bình diện xã hội.

158. Suy tư thần học về kinh nghiệm của con người và quá trình phát triển bản sắc của một người mà chúng ta đã cố gắng mô tả được đặt nền tảng trong nhiệm cục bí tích của sự cứu rỗi. Để (tái) xây dựng và đề xuất một nền văn hóa nhân bản trọn vẹn, có khả năng hướng tới

tương lai và cũng có thể đối diện với những thách thức và hiểu lầm cơ bản được truyền tải trong vấn đề này bởi chủ nghĩa siêu nhân bản và chủ nghĩa hậu nhân bản, suy tư thần học phải đi kèm với sự đóng góp của các ngành khoa học và nghệ thuật khác. Vì lý do này, việc mời gọi những người và tổ chức tham gia vào các lĩnh vực kinh tế-xã hội, học thuật, nghệ thuật, văn hóa và chính trị cộng tác vì mục đích này là điều thích hợp. Mục tiêu là phát triển, bắt đầu từ những trao đổi đang diễn ra, các phương thức tư duy và hành động mới, dưới hình thức liên ngành và xuyên ngành. Bằng cách này, nhân học thần học có thể được chuyên hóa thành những trải nghiệm sống động và cụ thể, cả ở bình diện bản thân và xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục và văn hóa. Ngày nay hơn bao giờ hết, đối diện với những thách thức của một nhân loại hướng về tương lai với cả hy vọng lẫn sự bất định, đối thoại và hợp tác liên ngành và xuyên ngành là vô cùng cần thiết. Cuộc đối thoại này phải có khả năng chuyên hóa sự phong phú vô tận của kinh nghiệm con người thành kế hoạch tốt đẹp của Thiên Chúa Cha.